TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2020
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Văn Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn V, sinh năm 1980.

Cùng trú tại: Thôn P, xã L (nay là xã T), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(chị H có mặt, anh V vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lương Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2002 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Nay là xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn P, xã L, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến

đánh chửi nhau, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lương Minh T, sinh ngày 01/10/2002 và cháu Lương Minh T1, sinh ngày 27/10/2006. Khi ly hôn tôi đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Cháu T1 tôi nhất trí giao cháu cho anh V nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị H xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai của đương sự ngày 20/01/2020, anh Lương Văn V trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị H như chị H trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn anh V xác định mâu thuẫn xảy ra giữa anh và chị H là do bất đồng quan điểm dẫn đến mối quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng. Quan điểm của anh V là tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh V xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lương Minh T, sinh ngày 01/10/2002 và cháu Lương Minh T1, sinh ngày 27/10/2006. Nếu chị H kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được quyền nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh V xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lương Văn V. Giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 01/10/2002 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lương Minh T1, sinh ngày 27/10/2006 cho anh Lương Văn V nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị H và anh V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị H và anh Lương Văn V đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn P, xã T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H xác định: chị H và anh V kết hôn vào năm 2002. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn P, xã L (nay là xã T), huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh V cũng sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh V cũng thừa nhận việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: kết quả xác minh cho thấy anh Vinh và chị H đều làm nghề lao động tự do. Bản thân cháu Lương Minh T có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ. Còn cháu Lương Minh T1 có ý kiến, khi bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở cùng với bố. Đại diện chính quyền địa phương có ý kiến nên giao cho chị H và anh V mỗi người nuôi một cháu là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Vì vậy cần giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 01/10/2002 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lương Minh T1, sinh ngày 27/10/2006 cho anh Lương Văn V nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị H và anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị H và anh V đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh V không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lương Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lương Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lương Minh T, sinh ngày 01/10/2002 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Giao cháu Lương Minh T1, sinh ngày 27/10/2006 cho anh Lương Văn V nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003186 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lương Văn V không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/4/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh